

Số: 05/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: số A T, phường C, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người nhận ủy quyền lại: bà Lương Bích H, chức danh: Phó Giám đốc V Chi nhánh Q; bà Trần Thị Thu H1, Trưởng Phòng Tổng hợp; ông Vũ Đức T, là Phó Phòng Tổng hợp; địa chỉ: đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

* *Bị đơn*:

- Anh Đào Quang H2, sinh năm 1989; nơi thường trú: thôn Đ, Đặc khu V,

tỉnh Quảng Ninh; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 1, Trại giam S, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị L, sinh năm 1990; nơi thường trú: thôn Đ, Đặc khu V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: phố B, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: anh Lê Xuân L1, sinh năm 1991; nơi cư trú: KĐT M D, phường D, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C (tạm tính đến hết ngày 04/7/2025) số tiền là: 3.120.230.677 (ba tỷ, một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy) đồng; bao gồm: nợ gốc là 2.490.551.634 (hai tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi tư) đồng; nợ lãi trong hạn là: 613.496.139 (sáu trăm mười ba triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 16.182.904 (mười sáu triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm linh bốn) đồng, cụ thể:

Theo Hợp đồng cho vay số 112/2022-HĐCV/NHCT30032 ngày 19/07/2022, tổng dư nợ là: 2.984.219.250 (hai tỷ, chín trăm tám mươi tư triệu, hai trăm mười chín nghìn, hai trăm năm mươi) đồng; bao gồm: nợ gốc là 2.397.073.185 (hai tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm tám mươi lăm) đồng, nợ lãi trong hạn là 572.339.101 (năm trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, một trăm linh một) đồng, lãi quá hạn là 14.806.964 (mười bốn triệu, tám trăm linh sáu nghìn, chín trăm sáu mươi tư) đồng.

Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm Hợp đồng số 23/05/2012/TTD ngày 19/05/2012 tổng dư nợ là: 72.072.190 (bảy mươi hai triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm chín mươi) đồng; bao gồm: nợ gốc là 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 22.013.024 (hai mươi hai triệu, không trăm mười ba nghìn, không trăm hai mươi tư) đồng, nợ lãi quá hạn là 1.059.166 (một triệu, không trăm năm mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi sáu) đồng.

Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tài chính cá nhân kèm hợp đồng số 14/04/2017/TTD ngày 14/04/2017 tổng dư nợ là 63.939.237 (sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi bảy) đồng; bao gồm: nợ gốc là 44.478.449 (bốn mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi chín nghìn) đồng, nợ lãi trong hạn là 19.144.014 (mười chín triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm mười bốn) đồng, nợ lãi quá hạn: 316.774 (ba trăm mười sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi tư) đồng.

2.2 Về thời hạn trả nợ: anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C (tạm tính đến hết ngày 04/7/2025) số tiền là: 3.120.230.677 (ba tỷ, một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi nghìn, sáu trăm

bảy mươi bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2025, chậm nhất là ngày 04/10/2025.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 04/7/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 112/2022-HĐCV/NHCT30032 ngày 19/07/2022, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm Hợp đồng số 23/05/2012/TTD ngày 19/05/2012, Giấy đề nghị phát hành thẻ tài chính cá nhân kèm hợp đồng số 14/04/2017/TTD ngày 14/04/2017, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q và anh Đào Quang H2, chị Lê Thị L nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp đến hạn mà anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền là: 3.120.230.677 (ba tỷ, một trăm hai mươi triệu, hai trăm ba mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/7/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 137,5m² đất, thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 8; địa chỉ: tổ A, khu B, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là: tổ A, khu B, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 791722, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H31961, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 08/5/2007; ngày 12/7/2022, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận đăng ký biến động chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L; (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 112/2022/HĐBĐ/NHCT30032 ngày 19/7/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh Q và anh Đào Quang H2, chị Lê Thị L).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Ngân hàng Thương mại cổ phần C tự nguyện chịu 4.900.000 (bốn triệu, chín trăm nghìn) đồng; anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L chịu 4.900.000 (bốn triệu, chín trăm nghìn) đồng. Anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 4.900.000 (bốn triệu, chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Đào Quang H2 và chị Lê Thị L chịu 23.601.153 (hai mươi ba triệu, sáu trăm linh một nghìn, một trăm năm mươi ba) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C chịu 23.601.153 (hai mươi ba triệu, sáu trăm linh một, một trăm năm ba) đồng; Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền còn dư là 22.799.847 (hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi bảy) đồng, theo biên lai thu tiền số 0003977 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Dương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An

